

Số: 65/2019/TT-BCA

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2019

THÔNG TƯ
Quy định về thi hành án hình sự tại cộng đồng

Căn cứ Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Luật Công an nhân dân năm 2018;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về thi hành án hình sự tại cộng đồng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định thực hiện trình tự, thủ tục thi hành án hình sự tại cộng đồng và quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng; trách nhiệm của Công an các đơn vị, địa phương trong thi hành án hình sự tại cộng đồng.

2. Thông tư này áp dụng đối với Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an, cơ quan thi hành án hình sự trong Công an nhân dân, Công an các đơn vị, địa phương trong thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng; người chấp hành án hình sự tại cộng đồng; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thi hành án hình sự tại cộng đồng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thi hành án hình sự tại cộng đồng* bao gồm thi hành án treo, cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; thi hành

quyết định hoãn chấp hành án phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù; thi hành quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện.

2. *Quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng* bao gồm giám sát, giáo dục người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân; kiểm soát, giáo dục người chấp hành án phạt quản chế; quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù; quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

3. *Người chấp hành án hình sự tại cộng đồng* bao gồm người được hưởng án treo; người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; người được hoãn chấp hành án phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù; người được tha tù trước thời hạn có điều kiện (sau đây viết gọn là người chấp hành án).

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.
2. Bảo đảm thi hành nghiêm minh bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.
3. Bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và pháp luật có liên quan.
4. Quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án chặt chẽ, có hiệu quả; tạo điều kiện cho người chấp hành án có điều kiện thuận lợi nhất để chấp hành án, sớm chấp hành xong án phạt, trở thành người có ích cho xã hội; phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, hành vi phạm tội của người chấp hành án; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án.
5. Công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng phải được thực hiện thống nhất, có sự phối hợp chặt chẽ giữa Công an các đơn vị, địa phương; đảm bảo yêu cầu cải cách hành chính, cải cách tư pháp; phục vụ có hiệu quả công tác đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội và phát triển kinh tế xã hội.

Điều 4. Kinh phí thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng trong Công an nhân dân

1. Kinh phí thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng trong Công an nhân dân được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Công an giao cho Công an các đơn vị, địa phương.
2. Công an các đơn vị, địa phương chủ động tham mưu với chính quyền địa phương đảm bảo ngân sách hoặc huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để hỗ trợ cho công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng ở địa phương.

Chương II

THỰC HIỆN TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ TẠI CỘNG ĐỒNG VÀ QUẢN LÝ, GIÁM SÁT, GIÁO DỤC NGƯỜI CHẤP HÀNH ÁN

Điều 5. Tiếp nhận bản án, quyết định, hồ sơ, tài liệu thi hành án hình sự tại cộng đồng

1. Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải vào sổ theo dõi, ghi rõ ngày nhận; kiểm tra bản án, quyết định. Nếu phát hiện lỗi về chính tả, sai về thông tin, số liệu thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có văn bản đề nghị Tòa án đã ra bản án, quyết định chỉnh sửa, bổ sung.

2. Khi nhận được thông báo ngày phạm nhân chấp hành xong án phạt tù theo khoản 1 Điều 46 Luật Thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải kiểm tra, xác minh. Trường hợp không có phạm nhân theo địa chỉ về cư trú ghi trong thông báo hoặc địa chỉ về cư trú đã thay đổi thì phải thông báo cho cơ quan, đơn vị đã gửi thông báo để xác minh, làm rõ nơi về cư trú của phạm nhân.

Khi nhận được tài liệu, hồ sơ về thi hành án hình sự tại cộng đồng do trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự trong Quân đội nơi quản lý phạm nhân phải chấp hành án hình sự tại cộng đồng gửi đến hoặc bàn giao, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải vào sổ theo dõi, ghi rõ ngày nhận; kiểm tra hồ sơ, tài liệu. Nếu thiếu tài liệu hoặc tài liệu không đảm bảo thì yêu cầu cơ quan, đơn vị đã gửi, bàn giao hồ sơ, tài liệu cung cấp bổ sung.

3. Đội trưởng Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp báo cáo đề xuất Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện ra quyết định phân công cán bộ theo dõi việc thi hành án hình sự đối với trường hợp mới tiếp nhận theo khoản 1 và khoản 2 Điều này, đảm bảo mỗi người chấp hành án phải có một cán bộ cơ quan thi hành án hình sự thực hiện theo dõi. Trường hợp thay đổi cán bộ thi hành án đã được phân công thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện ra quyết định phân công thay thế.

Điều 6. Hồ sơ thi hành án hình sự tại cộng đồng

1. Hồ sơ thi hành án hình sự tại cộng đồng (sau đây gọi là hồ sơ thi hành án) gồm các hồ sơ sau:

- a) Hồ sơ thi hành án treo;
- b) Hồ sơ thi hành án phạt cải tạo không giam giữ;
- c) Hồ sơ thi hành án phạt cấm cư trú;
- d) Hồ sơ thi hành án phạt quản chế;
- đ) Hồ sơ thi hành án phạt tước một số quyền công dân;
- e) Hồ sơ thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

- g) Hồ sơ thi hành quyết định hoãn chấp hành án phạt tù;
- h) Hồ sơ thi hành quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù;
- i) Hồ sơ phạm nhân của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

2. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập các loại hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này; tiếp nhận hồ sơ phạm nhân của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện do trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi có phạm nhân được tha tù trước thời hạn có điều kiện bàn giao. Việc lập hồ sơ thi hành án phải đảm bảo đúng thời hạn và có đủ các tài liệu theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Sau khi lập hồ sơ thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện thực hiện:

- a) Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã biết;
- b) Sao gửi các tài liệu về thi hành án treo, cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, hoãn chấp hành án phạt tù cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng;
- c) Tiến hành đăng ký hồ sơ thi hành án theo quy định.

3. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện quản lý hồ sơ thi hành án và bổ sung các tài liệu vào hồ sơ thi hành án.

4. Việc lập, đăng ký, quản lý, chuyển loại, kết thúc, nộp lưu các loại hồ sơ thi hành án thực hiện theo chế độ hồ sơ nghiệp vụ của Bộ Công an.

Điều 7. Thực hiện triệu tập người chấp hành án để làm thủ tục thi hành án và cam kết chấp hành án

1. Việc triệu tập người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, người được hoãn chấp hành án phạt tù thực hiện như sau:

a) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện triệu tập người chấp hành án đến trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã để làm thủ tục thi hành án và cam kết việc chấp hành án, chấp hành pháp luật theo đúng thời hạn quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp người chấp hành án là người dưới 18 tuổi thì triệu tập thêm người đại diện của người chấp hành án cùng tham gia buổi làm việc.

b) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện gửi giấy triệu tập cho người được triệu tập, đồng thời thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cử đại diện tham gia buổi làm việc của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện đối với người chấp hành án.

c) Thành phần buổi làm việc với người chấp hành án gồm: Cán bộ cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện (chủ trì), đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện Công an cấp xã, người đại diện của người chấp hành án trong trường hợp người chấp hành án là người dưới 18 tuổi.

d) Nội dung buổi làm việc và cam kết chấp hành án thực hiện như sau:

Cán bộ cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện thông báo quyết

định của Tòa án, các quyền, nghĩa vụ của người chấp hành án; yêu cầu người chấp hành án chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, nghĩa vụ của người chấp hành án, các quy định của địa phương và các nội dung có liên quan đến việc chấp hành án; yêu cầu người chấp hành án viết bản tự khai lý lịch và bản cam kết chấp hành án. Trường hợp người chấp hành án là người dưới 18 tuổi, bản cam kết chấp hành án phải có xác nhận của người đại diện của người chấp hành án. Kết thúc buổi làm việc, tiến hành lập biên bản làm việc, có chữ ký của những người trong thành phần tham gia buổi làm việc.

đ) Trường hợp người chấp hành án không có mặt đúng thời hạn triệu tập mà không có lý do chính đáng thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải lập biên bản vi phạm nghĩa vụ và phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp xã để xác minh. Nếu xác minh có kết quả thì yêu cầu người chấp hành án có mặt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện cam kết chấp hành án. Nếu xác minh không có kết quả thì phối hợp với Tòa án, Viện kiểm sát có thẩm quyền để giải quyết, xử lý việc thi hành án và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an. Trường hợp người chấp hành án cố tình không cam kết thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập biên bản vi phạm nghĩa vụ và xử lý theo quy định.

2. Việc triệu tập người chấp hành án phạt cấm cư trú, quản chế, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thực hiện như sau:

a) Sau khi nhận được hồ sơ, tài liệu do cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện bàn giao theo điểm a và điểm b, khoản 2 Điều 6 của Thông tư này, Công an cấp xã tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp xã gửi giấy triệu tập người chấp hành án đến trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã để làm thủ tục thi hành án và cam kết chấp hành án, chấp hành nghĩa vụ. Trường hợp người chấp hành án là người dưới 18 tuổi thì triệu tập thêm người đại diện của người chấp hành án cùng tham gia buổi làm việc.

b) Buổi làm việc với người chấp hành án gồm có đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã (chủ trì) và Công an cấp xã, người đại diện của người chấp hành án trong trường hợp người chấp hành án là người dưới 18 tuổi. Trong trường hợp cần thiết, có thể mời cán bộ cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện đến tham dự buổi làm việc với người chấp hành án.

c) Nội dung buổi làm việc và cam kết chấp hành án thực hiện như sau:

Công an cấp xã thông báo quyết định của Tòa án, các quyền, nghĩa vụ của người chấp hành án; yêu cầu người chấp hành án chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, nghĩa vụ của người chấp hành án, các quy định của địa phương và các nội dung có liên quan đến việc chấp hành án; yêu cầu người chấp hành án viết bản tự khai lý lịch và bản cam kết chấp hành án. Trường hợp người chấp hành án là người dưới 18 tuổi, bản cam kết phải có xác nhận của người đại diện của người chấp hành án. Kết thúc buổi làm việc, tiến hành lập biên bản, có chữ ký của những người trong thành phần tham gia buổi làm việc; báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện về kết quả việc triệu tập và cam kết chấp hành án.

đ) Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện tự trình diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã theo giấy chứng nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện thì thực hiện ngay buổi làm việc và cam kết chấp hành nghĩa vụ theo điểm b và điểm c khoản này.

e) Trường hợp người chấp hành án không có mặt đúng thời hạn triệu tập mà không có lý do chính đáng thì Công an cấp xã lập biên bản vi phạm nghĩa vụ và tiến hành xác minh. Nếu xác minh có kết quả thì yêu cầu người chấp hành án có mặt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện cam kết chấp hành án. Nếu xác minh không có kết quả thì báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phối hợp với Tòa án, Viện kiểm sát có thẩm quyền để giải quyết, xử lý việc thi hành án và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an. Trường hợp người chấp hành án cố tình không cam kết thì Công an cấp xã tiến hành lập biên bản vi phạm nghĩa vụ và tiến hành xử lý theo quy định.

3. Các bản tự khai lý lịch, bản cam kết chấp hành án, biên bản làm việc (bản chính) lưu hồ sơ thi hành án; 01 bộ (bản sao) lưu hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án.

4. Công an cấp xã có trách nhiệm phối hợp với gia đình người chấp hành án để nắm chắc tình hình người chấp hành án; yêu cầu người chấp hành án có mặt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã đúng thời hạn triệu tập và thực hiện nghiêm chỉnh việc cam kết chấp hành án.

5. Sau khi thực hiện triệu tập người chấp hành án, Trưởng Công an cấp xã ra quyết định phân công cán bộ Công an cấp xã hoặc Công an viên thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án.

Điều 8. Hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án

1. Hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng (sau đây gọi là hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án) gồm các hồ sơ sau:

- a) Hồ sơ giám sát, giáo dục người được hưởng án treo;
- b) Hồ sơ giám sát, giáo dục người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ;
- c) Hồ sơ giám sát, giáo dục người chấp hành án phạt cấm cư trú;
- d) Hồ sơ kiểm soát, giáo dục người chấp hành án phạt quản chế;
- đ) Hồ sơ quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù;
- e) Hồ sơ quản lý người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù;
- g) Hồ sơ quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện.

2. Trưởng Công an cấp xã tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp xã để lập các loại hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này đảm bảo đúng thời hạn và có đủ các tài liệu theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện lập hồ sơ quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện quy định tại điểm g khoản 1 Điều này và bàn

giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Công an cấp xã quản lý các loại hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án và bổ sung các tài liệu vào hồ sơ trong quá trình chấp hành án.

4. Công an cấp xã tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện bàn giao hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện trong các trường hợp sau:

- a) Hết thời hạn chấp hành án;
- b) Người chấp hành án phạm tội mới đã có quyết định khởi tố bị can của cơ quan tiến hành tố tụng;
- c) Có quyết định của Tòa án về buộc chấp hành hình phạt tù hoặc quyết định áp giải chấp hành hình phạt tù của bản án;
- d) Có quyết định hủy bản án, quyết định thi hành án;
- đ) Người chấp hành án được thay đổi nơi cư trú;
- e) Người chấp hành án chết.

5. Việc bàn giao hồ sơ thi hành án, hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án phải được lập biên bản, lưu hồ sơ thi hành án, hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án.

Điều 9. Về thực hiện quản lý cư trú đối với người chấp hành án

1. Công an cấp xã hướng dẫn người chấp hành án thực hiện đăng ký thường trú, tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

2. Việc giải quyết vắng mặt tại nơi cư trú của người chấp hành án thực hiện như sau:

a) Người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, người được hoãn chấp hành án phạt tù, người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có nhu cầu vắng mặt tại nơi cư trú từ 01 ngày trở lên, Công an cấp xã hướng dẫn họ viết đơn xin vắng mặt tại nơi cư trú và tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định về việc giải quyết đơn xin vắng mặt tại nơi cư trú của người chấp hành án; quyết định phải nêu rõ đồng ý hay không đồng ý, trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

Người chấp hành án phạt quản chế khi có lý do chính đáng xin đi khỏi nơi quản chế, Công an cấp xã hướng dẫn họ viết đơn xin vắng mặt tại nơi quản chế và tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết đi khỏi nơi quản chế theo quy định tại Điều 115 Luật Thi hành án hình sự.

b) Khi xem xét giải quyết cho người chấp hành án vắng mặt tại nơi cư trú, Công an cấp xã phải căn cứ vào lý do xin vắng mặt tại nơi cư trú, tình hình, kết quả quá trình chấp hành án, yêu cầu quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án khi vắng mặt khỏi nơi cư trú và không được vượt quá thời gian người chấp hành án được vắng mặt theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Khi người chấp hành án được giải quyết vắng mặt tại nơi cư trú, Công an

cấp xã phải giải thích và hướng dẫn cho họ về việc thực hiện các thủ tục khai báo tạm vắng, tạm trú và chấp hành pháp luật, chấp hành nghĩa vụ của người chấp hành án trong thời gian vắng mặt tại nơi cư trú; khi trở về, yêu cầu người chấp hành án phải nộp bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú theo quy định.

c) Các tài liệu về giải quyết vắng mặt tại nơi cư trú của người chấp hành án phải được lưu vào hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án.

d) Công an cấp xã phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, nắm tình hình của người chấp hành án để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm nghĩa vụ, vi phạm pháp luật. Trường hợp người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú không xin phép, báo cáo thì Công an cấp xã phải phối hợp với gia đình để tiến hành xác minh và giải quyết, xử lý theo quy định.

3. Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú thực hiện như sau:

a) Việc giải quyết thay đổi nơi cư trú đối với người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, người được hoãn chấp hành án phạt tù, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thực hiện theo quy định của Bộ Công an;

b) Trường hợp người chấp hành án phạt cấm cư trú thay đổi nơi cư trú, Công an cấp xã tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện và bàn giao hồ sơ giám sát, giáo dục người chấp hành án để thực hiện thủ tục thi hành án;

c) Trường hợp người chấp hành án phạt tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc, Công an cấp xã tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để theo dõi, thực hiện việc thi hành án.

4. Công an các đơn vị, địa phương thực hiện thủ tục đăng ký tạm hoãn xuất cảnh, chưa được xuất cảnh đối với người chấp hành án theo quy định của pháp luật và của Bộ Công an.

Điều 10. Về thực hiện nhận xét, báo cáo trong quá trình chấp hành án

1. Việc thực hiện nhận xét, báo cáo của người chấp hành án như sau:

a) Đối với người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, người chấp hành án phạt quản chế, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện: Định kỳ hằng tháng, trong thời hạn 05 ngày đầu tiên của tháng, phải nộp bản tự nhận xét, báo cáo về việc chấp hành nghĩa vụ của người chấp hành án cho cán bộ Công an được phân công quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án để thực hiện việc xác nhận và nhận xét, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và lưu hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án.

b) Đối với người chấp hành án phạt cấm cư trú, người chấp hành án phạt tước một số quyền công dân, người chấp hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ,

cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, người được hoãn chấp hành án phạt tù, người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù: Người chấp hành án không thực hiện việc nhận xét, báo cáo theo định kỳ.

c) Trong trường hợp cần thiết, để phục vụ công tác quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án, Công an cấp xã có thể yêu cầu người chấp hành án báo cáo về việc chấp hành pháp luật, chấp hành nghĩa vụ của người chấp hành án và các nội dung có liên quan đến việc chấp hành án.

2. Công an cấp xã tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc nhận xét, báo cáo như sau:

a) Định kỳ hằng tháng, trong thời hạn 05 ngày đầu tiên của tháng, thực hiện nhận xét về việc chấp hành án, chấp hành nghĩa vụ của người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; báo cáo việc quản lý người được hoãn chấp hành án phạt tù, người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù. Định kỳ 03 tháng một lần, trong thời hạn 05 ngày đầu tiên của tháng đầu kỳ báo cáo, thực hiện nhận xét về việc chấp hành án phạt quản chế gửi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

Khi tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã nhận xét, báo cáo, Công an cấp xã phải đánh giá đầy đủ, đúng tình hình, kết quả việc chấp hành pháp luật, chấp hành nghĩa vụ của người chấp hành án; đồng thời phân loại kết quả chấp hành án để phục vụ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án.

b) Các bản nhận xét, báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã phải được lưu vào hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án và sao gửi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để lưu hồ sơ thi hành án.

3. Thời gian nhận xét, báo cáo như sau:

a) Đối với nhận xét, báo cáo định kỳ hàng tháng: Thời gian nhận xét từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng nhận xét, báo cáo. Đối với tháng đầu tiên, tính từ ngày bắt đầu thi hành án đến ngày cuối cùng của tháng nhận xét, báo cáo. Đối với tháng cuối cùng, tính từ ngày đầu tiên của tháng đến ngày bàn giao hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

b) Đối với nhận xét, báo cáo định kỳ 03 tháng: Thời gian nhận xét từ ngày 01 của tháng đầu tiên trong kỳ nhận xét, báo cáo đến ngày cuối cùng của tháng thứ ba trong kỳ nhận xét, báo cáo. Đối với kỳ đầu tiên, tính từ ngày bắt đầu thi hành án đến ngày cuối cùng của tháng thứ ba trong kỳ nhận xét, báo cáo. Đối với kỳ cuối cùng, tính từ ngày 01 của tháng đầu tiên trong kỳ nhận xét, báo cáo đến ngày bàn giao hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

Điều 11. Triệu tập người chấp hành án trong thời gian chấp hành án

1. Trong thời gian chấp hành án, khi có yêu cầu phục vụ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Công an cấp xã tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập người chấp hành

án đến trụ sở để làm việc. Việc triệu tập người chấp hành án phải được thực hiện bằng văn bản. Kết thúc buổi làm việc với người chấp hành án phải tiến hành lập biên bản và báo cáo kết quả gửi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

2. Trường hợp người chấp hành án không có mặt theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng hoặc không chấp hành yêu cầu trong quá trình làm việc thì tùy theo tính chất, mức độ để tiến hành việc nhắc nhở, lập biên bản vi phạm nghĩa vụ hoặc xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 12. Thực hiện việc giảm, miễn thời hạn chấp hành án hình sự tại cộng đồng

1. Việc rút ngắn thời gian thử thách đối với người được hưởng án treo, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; giảm, miễn thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ; miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú, quản chế còn lại (*gọi chung là giảm, miễn thời hạn chấp hành án hình sự tại cộng đồng*) thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và hướng dẫn của liên ngành Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp.

2. Công an cấp xã có trách nhiệm rà soát những trường hợp đủ điều kiện giảm, miễn thời hạn chấp hành án hình sự tại cộng đồng và tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp xã để báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện thực hiện thủ tục giảm, miễn thời hạn chấp hành án.

Điều 13. Về thực hiện xử lý trường hợp người chấp hành án vi phạm nghĩa vụ, vi phạm pháp luật, phạm tội mới

1. Người chấp hành án vi phạm nghĩa vụ của người chấp hành án thì Công an cấp xã phải lập biên bản xử lý hoặc tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp xã, đề nghị cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện xử lý theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và pháp luật có liên quan.

2. Người chấp hành án vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính thì Công an cấp xã lưu quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các tài liệu có liên quan (nếu có) vào hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án để làm cơ sở đánh giá, nhận xét việc chấp hành án; tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện biết để lưu hồ sơ thi hành án.

3. Trường hợp người chấp hành án bị đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở chữa bệnh bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc thì thực hiện như sau:

a) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã phải phối hợp với các cơ quan, tổ chức đó để thực hiện thi hành án và quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án;

b) Ngay sau khi người chấp hành án bị đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở chữa bệnh bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, Công an cấp xã tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thông báo cho cơ quan,

tổ chức đó biết để phối hợp thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án và đề nghị nhận xét bằng văn bản việc chấp hành nội quy, quy chế trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở chữa bệnh bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc của người chấp hành án theo định kỳ quy định tại khoản 2 Điều 10 của Thông tư này để lưu hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục và làm căn cứ nhận xét, báo cáo; báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để theo dõi.

c) Trường hợp người chấp hành án chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở chữa bệnh bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc mà chưa chấp hành xong án phạt thì tiếp tục thực hiện việc thi hành án theo quy định. Trường hợp hết thời hạn chấp hành án mà chưa chấp hành xong quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở chữa bệnh bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc thì thực hiện thủ tục kết thúc thi hành án quy định tại Điều 15 của Thông tư này.

4. Người chấp hành án phạm tội mới bị khởi tố hình sự thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Công an cấp xã phải phối hợp với cơ quan tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ án để thu thập, bổ sung tài liệu vào hồ sơ thi hành án, hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án. Khi có kết luận của cơ quan tiến hành tố tụng thì thực hiện như sau:

a) Trường hợp người chấp hành án bị kết án phạt tù, tử hình thì tiến hành bàn giao hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện làm thủ tục chuyển loại, kết thúc, nộp lưu hồ sơ thi hành án theo quy định.

b) Trường hợp người chấp hành án không bị kết án phạt tù, tử hình thì tiếp tục tổ chức thi hành án theo quy định.

5. Người được hưởng án treo vì phạm nghĩa vụ thuộc trường hợp buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện thuộc trường hợp bị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù thực hiện hành vi phạm tội mới, bỏ trốn hoặc vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội thì Công an cấp xã phải tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp xã để báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện thực hiện thủ tục buộc họ đi chấp hành án phạt tù theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Nếu người chấp hành án bỏ trốn thì thực hiện truy nã và tổ chức truy bắt.

Trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế cố tình vi phạm nghĩa vụ đã bị xử lý nhưng vẫn cố tình vi phạm thì Công an cấp xã tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp xã để đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành bản án quy định tại Điều 380 Bộ luật Hình sự.

6. Việc kiểm điểm người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vì phạm nghĩa vụ thực hiện như sau:

a) Công an cấp xã tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức cuộc

họp kiểm điểm. Thành phần tham gia gồm có đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã (chủ trì), đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cơ sở, đại diện khu dân cư, đại diện Công an cấp xã, cán bộ Công an cấp xã được phân công quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án (thư ký), thân nhân người chấp hành án (nếu có).

b) Nội dung cuộc họp: Chủ trì quán triệt các nội dung về cuộc họp; người chấp hành án trình bày bản tự kiểm điểm, trong đó nêu rõ vụ việc vi phạm và phương hướng khắc phục, sửa chữa, phấn đấu; những người tham gia cuộc họp có ý kiến; chủ trì có ý kiến kết luận, thống nhất các nội dung và hình thức xử lý đối với người chấp hành án; lập biên bản cuộc họp, có chữ ký của những người tham gia để lưu hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục. Công an cấp xã tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện về việc họp kiểm điểm người chấp hành án (gửi kèm theo biên bản cuộc họp).

Điều 14. Giải quyết trường hợp người chấp hành án chết

1. Trường hợp người chấp hành án chết, Công an cấp xã tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo bằng văn bản và bàn giao hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải thực hiện thủ tục thông báo cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án biết để ra quyết định đình chỉ thi hành án. Sau khi nhận được quyết định đình chỉ thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện làm thủ tục kết thúc, nộp lưu hồ sơ thi hành án theo quy định.

Điều 15. Thực hiện thủ tục kết thúc thi hành án hình sự tại cộng đồng

1. Cấp giấy chứng nhận cho người chấp hành xong án phạt:

a) Khi người được hưởng án treo, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện chấp hành xong thời gian thử thách, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế chấp hành xong án phạt, Công an cấp xã tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp xã làm có văn bản báo cáo tình hình, kết quả chấp hành án của người chấp hành án và bàn giao hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện đúng thời hạn quy định của Luật Thi hành án hình sự. Việc bàn giao hồ sơ phải lập biên bản, lưu hồ sơ thi hành án.

Trường hợp người chấp hành án phạt tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định chấp hành xong án phạt thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt cho họ.

b) Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện ký giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt; cấp giấy đó cho người chấp hành án và gửi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và lưu hồ sơ thi hành án. Trường hợp không có Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tại thời điểm hết thời hạn chấp hành án thì Trưởng

Công an huyện phải có văn bản xác nhận việc chấp hành xong án phạt cấp cho người chấp hành án. Sau khi có Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện thì thực hiện cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt.

c) Sau khi cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhập hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án vào hồ sơ thi hành án và làm thủ tục kết thúc, nộp lưu hồ sơ thi hành án theo chế độ hồ sơ nghiệp vụ của Bộ Công an.

2. Việc thi hành án phạt tù đối với người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù như sau:

a) Công an cấp xã phải kiểm tra, rà soát các trường hợp sắp hết thời hạn được hoãn chấp hành án phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù để củng cố hồ sơ; yêu cầu người chấp hành án tự nguyện đi chấp hành án. Tiến hành bàn giao hồ sơ quản lý người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện ngay sau khi người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đi chấp hành án phạt tù.

b) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải chủ động kiểm tra các trường hợp sắp hết thời hạn được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù và phối hợp với Tòa án đã ra quyết định hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù để làm thủ tục đưa người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đi chấp hành án. Trường hợp người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù không tự nguyện đi chấp hành án thì tiến hành áp giải thi hành án theo quy định (trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan); nếu bỏ trốn thì tiến hành truy nã và tổ chức truy bắt.

c) Sau khi người được hoãn chấp hành án phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đi chấp hành án phạt tù, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện làm thủ tục chuyển loại hoặc kết thúc, nộp lưu hồ sơ thi hành quyết định hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù theo chế độ hồ sơ nghiệp vụ của Bộ Công an.

d) Trường hợp người được hoãn chấp hành án phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù vì lý do bị bệnh nặng, nếu xét thấy có dấu hiệu phục hồi sức khỏe mà vẫn lầy lỳ do về sức khỏe để trốn tránh việc chấp hành án hoặc có dấu hiệu mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện thực hiện trưng cầu giám định y khoa hoặc trưng cầu giám định pháp y tâm thần theo quy định. Căn cứ kết quả giám định để thực hiện việc đưa người được hoãn, tạm đình chỉ đi chấp hành án hoặc làm thủ tục hủy quyết định hoãn, tạm đình chỉ và áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh theo quy định.

Điều 16. Cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự tại cộng đồng

1. Cơ sở dữ liệu thi hành án hình sự tại cộng đồng là một bộ phận của cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự và tích hợp với hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về thông tin phòng, chống tội phạm của Bộ Công an; được xây dựng để quản lý thông tin về thi hành án hình sự tại cộng đồng, phục vụ quản lý nhà nước về thi hành án hình sự tại cộng đồng của Bộ Công an và Công an các địa phương.

2. Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu thi hành án hình sự tại cộng đồng trên toàn quốc và hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương xây dựng, cài đặt, quản trị, bảo trì, cập nhật, khai thác thông tin cơ sở dữ liệu về thi hành án hình sự tại cộng đồng.

Điều 17. Tổ chức thi hành án hình sự tại cộng đồng đối với các trường hợp do Quân đội chuyển giao

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án hình sự do cơ quan thi hành án hình sự trong Quân đội chuyển giao, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện tiếp nhận người, hồ sơ thi hành án và hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án do cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu bàn giao và tổ chức thi hành theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Thông tư này.

Điều 18. Thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng đối với các huyện không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã

1. Đối với huyện không có đơn vị hành chính cấp xã thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Cán bộ cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện được phân công trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ của cán bộ Công an cấp xã.

3. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện triệu tập người chấp hành án đến trụ sở cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục thi hành án và cam kết chấp hành án (thay cho việc triệu tập người chấp hành án đến trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã).

4. Không lập hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án quy định tại Điều 8 Thông tư này. Các tài liệu phát sinh trong quá trình chấp hành án được lưu hồ sơ thi hành án.

Điều 19. Thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án là người nước ngoài

1. Trường hợp người chấp hành án là người nước ngoài, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phải báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh để thông báo cho Bộ Ngoại giao biết trong các trường hợp sau:

- a) Sau khi lập hồ sơ thi hành án;
- b) Người chấp hành án được giảm, miễn thời hạn chấp hành án;
- c) Người chấp hành án chấp hành xong án phạt;
- d) Người chấp hành án chết.

2. Các bản kiểm điểm, tự nhận xét, báo cáo và giấy tờ khác có liên quan đến việc thi hành án nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt theo quy định và lưu hồ sơ thi hành án, hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án.

Điều 20. Thực hiện kiểm kê, điểm danh, kiểm diện người chấp hành án

1. Định kỳ hằng quý, trong thời hạn 05 ngày đầu tháng của tháng đầu tiên

của quý, Công an cấp xã thực hiện kiểm kê, điểm danh, kiểm diện toàn bộ người chấp hành án trên địa bàn.

2. Việc kiểm kê, điểm danh, kiểm diện người chấp hành án trong trường hợp đột xuất khác thực hiện theo yêu cầu phục vụ việc quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh hoặc theo chỉ đạo của Bộ Công an và Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng.

3. Việc kiểm kê, điểm danh, kiểm diện người chấp hành án theo khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được ghi vào sổ theo dõi kiểm kê, điểm danh, kiểm diện người chấp hành án hình sự tại cộng đồng; báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện về kết quả kiểm kê, điểm danh, kiểm diện để theo dõi.

4. Cơ quan thi hành án hình sự có thể cử cán bộ để theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kiểm kê, điểm danh, kiểm diện người chấp hành án tại cộng đồng.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG AN CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG TRONG THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ TẠI CỘNG ĐỒNG

Điều 21. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ

1. Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng là đầu mối giúp Bộ trưởng thực hiện quản lý nhà nước về thi hành án hình sự tại cộng đồng trên phạm vi toàn quốc, có trách nhiệm:

a) Tham mưu xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản về cơ chế, chính sách, pháp luật về thi hành án hình sự tại cộng đồng;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Công an các đơn vị, địa phương về công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng;

c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án hình sự tại cộng đồng;

d) Tổ chức tập huấn pháp luật, nghiệp vụ về thi hành án hình sự tại cộng đồng;

đ) Báo cáo, thống kê về công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng;

e) Triển khai ứng dụng công nghệ tin học, quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về thi hành án hình sự tại cộng đồng;

g) In ấn, cấp phát biểu mẫu, sổ sách về thi hành án hình sự tại cộng đồng;

h) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an trong thi hành án hình sự tại cộng đồng;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác trong thi hành án hình sự tại cộng đồng.

2. Các đơn vị trực thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng trong thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng; chỉ đạo, hướng dẫn hệ lực lượng ở Công an các địa phương trong thực hiện nhiệm vụ

về thi hành án hình sự tại cộng đồng và phối hợp với lực lượng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp trong thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng.

Điều 22. Trách nhiệm của Công an cấp tỉnh

1. Công an cấp tỉnh tổ chức thực hiện công tác quản lý thi hành án hình sự tại cộng đồng trên địa bàn, có trách nhiệm:

a) Tham mưu với Ủy ban nhân dân cùng cấp để tổ chức thi hành án hình sự tại cộng đồng trên địa bàn;

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành ở địa phương thực hiện nhiệm vụ thi hành án hình sự tại cộng đồng;

c) Chỉ đạo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Công an cấp huyện, cấp xã thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng;

d) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Công an cấp tỉnh để phối hợp với Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng;

đ) Bố trí cán bộ làm công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và phù hợp với tình hình thực tế của Công an địa phương;

e) Đảm bảo kinh phí, các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng theo quy định của pháp luật và của Bộ Công an;

g) Thực hiện nhiệm vụ khác trong thi hành án hình sự tại cộng đồng.

2. Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp có trách nhiệm:

a) Tham mưu giúp Giám đốc Công an cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ về thi hành án hình sự tại cộng đồng;

b) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh trong thi hành án hình sự tại cộng đồng;

c) Triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên về thi hành án hình sự tại cộng đồng;

d) Hướng dẫn, kiểm tra Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và Công an cấp xã thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng;

đ) Phối hợp với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và các đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh trong thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng;

e) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án hình sự tại cộng đồng;

g) Tập huấn, bồi dưỡng pháp luật, nghiệp vụ về công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng;

h) Chấp hành và thực hiện yêu cầu giám sát, kiểm sát, thanh tra về thi hành án hình sự tại cộng đồng của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- i) Thực hiện báo cáo, thống kê về thi hành án hình sự tại cộng đồng;
- k) Tổ chức cấp phát biểu mẫu, sổ sách về thi hành án hình sự tại cộng đồng;
- l) Quản lý cơ sở dữ liệu, phần mềm nghiệp vụ về quản lý thi hành án hình sự tại cộng đồng;
- m) Thực hiện các nhiệm vụ khác về thi hành án hình sự tại cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ và chỉ đạo của Giám đốc Công an cấp tỉnh.

Điều 23. Trách nhiệm của Công an cấp huyện

1. Công an cấp huyện thực hiện công tác thi hành án hình sự trên địa bàn, có trách nhiệm:

- a) Tham mưu với Ủy ban nhân dân cùng cấp để tổ chức thi hành án hình sự tại cộng đồng trên địa bàn;
- b) Phối hợp với các phòng, ban, cơ quan, đơn vị thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng;
- c) Chỉ đạo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện, Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Công an cấp xã thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng;
- d) Bố trí cán bộ làm công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và phù hợp với tình hình thực tế của Công an cấp huyện;
- đ) Đảm bảo kinh phí, các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng;
- e) Thực hiện các nhiệm vụ khác về thi hành án hình sự tại cộng đồng theo chỉ đạo của Công an cấp tỉnh.

2. Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp thuộc Công an cấp huyện có trách nhiệm:

- a) Tham mưu giúp Trưởng Công an cấp huyện, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện trong thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng;
- b) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện trong thi hành án hình sự tại cộng đồng;
- c) Đề xuất Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phân công cán bộ theo dõi thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng theo địa bàn hoặc hệ loại đối tượng;
- d) Quản lý hồ sơ, tài liệu, sổ sách về thi hành án hình sự tại cộng đồng;
- đ) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án;
- e) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án hình sự tại cộng đồng;
- g) Chấp hành và thực hiện yêu cầu giám sát, kiểm sát, thanh tra về thi hành án hình sự tại cộng đồng của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

h) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Công an cấp xã thực hiện nhiệm vụ về thi hành án hình sự tại cộng đồng;

i) Thực hiện báo cáo, thống kê về thi hành án hình sự tại cộng đồng theo quy định của Bộ Công an và của Công an cấp tỉnh.

k) Thực hiện nhiệm vụ khác về thi hành án hình sự tại cộng đồng.

3. Cán bộ làm công tác thi hành án hình sự được Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện phân công thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng có trách nhiệm:

a) Giúp Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng theo địa bàn, đối tượng được phân công;

b) Lập hồ sơ, bổ sung tài liệu vào hồ sơ thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và chế độ hồ sơ nghiệp vụ của Bộ Công an;

c) Tiếp nhận hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án do Ủy ban nhân dân cấp xã bàn giao theo quy định;

d) Tham gia các buổi họp kiểm điểm người chấp hành án (khi có đề nghị);

đ) Hướng dẫn, kiểm tra Công an cấp xã trong việc tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án;

e) Thực hiện các công việc khác trong thi hành án hình sự tại cộng đồng.

Điều 24. Trách nhiệm của Công an cấp xã

1. Công an cấp xã có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan, đơn vị Công an cấp trên, có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận và quản lý các loại hồ sơ, tài liệu, giấy tờ về thi hành án hình sự tại cộng đồng;

b) Lập hồ sơ quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án theo quy định tại Điều 8 Thông tư này;

c) Thực hiện báo cáo, thống kê thi hành án hình sự tại cộng đồng;

d) Bàn giao hồ sơ, tài liệu về thi hành án hình sự tại cộng đồng theo quy định;

đ) Thực hiện việc xét giảm, miễn thời hạn chấp hành án, tiến hành thủ tục xử lý người chấp hành án vi phạm nghĩa vụ, vi phạm pháp luật, phạm tội mới, giải quyết trường hợp người chấp hành án chết theo quy định;

e) Nhận xét, báo cáo về tình hình, kết quả chấp hành nghĩa vụ, chấp hành pháp luật của người chấp hành án;

g) Có biện pháp quản lý, phòng ngừa người chấp hành án vi phạm pháp luật, vi phạm nghĩa vụ;

h) Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở địa phương thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án;

i) Phối hợp với gia đình người chấp hành án, cơ quan, đơn vị, tổ chức nơi người chấp hành án làm việc, học tập để quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án;

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án.

2. Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Phân công cán bộ Công an hoặc Công an viên thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án theo địa bàn hoặc theo loại đối tượng.

3. Cán bộ Công an hoặc Công an viên được Trưởng Công an cấp xã phân công thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án có trách nhiệm:

a) Giúp Trưởng Công an cấp xã thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án được phân công;

b) Trực tiếp thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án;

c) Quản lý, nắm chắc tình hình người chấp hành án và phòng ngừa người chấp hành án vi phạm nghĩa vụ, vi phạm pháp luật;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác về thi hành án hình sự tại cộng đồng do Trưởng Công an cấp xã giao.

Điều 25. Trách nhiệm của trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi quản lý phạm nhân phải chấp hành án hình sự tại cộng đồng sau khi chấp hành xong án phạt tù

1. Gửi các loại giấy tờ, tài liệu khi phạm nhân có hình phạt bổ sung là cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định chấp hành xong án phạt tù theo quy định của Luật Thi hành án hình sự cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi phạm nhân chấp hành án xong phạt tù về cư trú để tổ chức thi hành án hình sự tại cộng đồng.

2. Bàn giao người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người có án phạt quản chế theo quy định.

3. Bàn giao hồ sơ phạm nhân của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 01 năm 2020.

Điều 27. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ; Giám đốc Công an tỉnh,

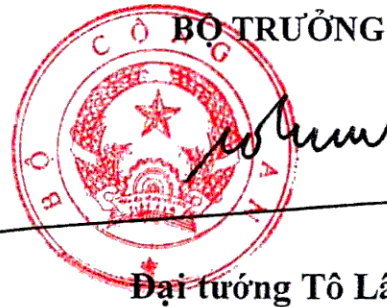
thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự trong Công an nhân dân; Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng) để kịp thời hướng dẫn. / *W*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Tư pháp;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công an tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật Bộ Tư pháp;
- Công thông tin điện tử Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, C11.



Đại tướng Tô Lâm